

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP  
XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
VICEM HOÀNG MAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: \_\_\_\_\_/XMHM

V/v: Công bố thông tin báo cáo tài chính  
quý II năm 2012

*Hoàng Mai, ngày 19 tháng 07 năm 2012*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai
2. Mã chứng khoán: HOM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
4. Điện thoại: (0383) 866 170 Fax: (0383) 866 648
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Minh Sơn
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính quý II năm 2012 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 18/07/2012 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNST so với cùng kỳ năm 2011)



**BẢN GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II NĂM 2012  
SO VỚI QUÝ II NĂM 2011**

**A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ II NĂM 2012**

**Của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 18 tháng 07 năm 2012**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU SỐ B 01 - DN**

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>680,454,568,348</b>	<b>599,411,575,529</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>102,064,039,688</b>	<b>142,720,480,326</b>
1. Tiền	111		102,064,039,688	142,720,480,326
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>30,355,000,000</b>	<b>30,355,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	30,355,000,000	30,355,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>178,375,740,003</b>	<b>73,659,197,828</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		165,072,828,899	65,342,038,719
2. Trả trước cho người bán	132		9,199,374,383	4,877,768,154
5. Các khoản phải thu khác	135	6	5,432,756,387	4,768,610,621
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,329,219,666)	(1,329,219,666)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>342,700,869,982</b>	<b>350,013,712,972</b>
1. Hàng tồn kho	141		345,419,915,746	352,732,758,736
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,719,045,764)	(2,719,045,764)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26,958,918,675</b>	<b>2,663,184,403</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19	22,790,970,383	147,635,998
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	4,167,948,292	2,515,548,405
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1,466,290,277,023</b>	<b>1,522,088,191,306</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,424,581,213,905</b>	<b>1,478,915,945,128</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1,409,451,950,436	1,474,562,537,148
- Nguyên giá	222		2,752,384,141,155	2,746,806,655,127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,342,932,190,719)	(1,272,244,117,979)
3. Tài sản cố định vô hình	227		178,508,407	35,745,989
- Nguyên giá	228		433,687,770	276,929,770
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(255,179,363)	(241,183,781)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	14,950,755,062	4,317,661,991
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41,709,063,118</b>	<b>43,172,246,178</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	41,709,063,118	43,172,246,178
2. Tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2,146,744,845,371</b>	<b>2,121,499,766,835</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU SỐ B 01 - DN**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,283,809,845,985</b>	<b>1,209,224,652,716</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>840,061,267,520</b>	<b>765,423,180,426</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	512,174,869,991	486,606,419,221
2. Phải trả cho người bán	312		113,339,941,881	98,671,772,442
3. Người mua trả tiền trước	313		5,085,555,480	4,744,176,618
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	37,370,961,554	21,892,849,721
5. Phải trả người lao động	315		155,753,306	29,015,127,472
6. Chi phí phải trả	316	14	53,442,196,428	25,058,375,945
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	94,538,775,284	96,011,334,980
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		23,953,213,596	3,423,124,027
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>443,748,578,465</b>	<b>443,801,472,290</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	432,339,829,732	432,339,829,732
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	10,315,252,777	10,315,252,777
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,093,495,956	1,146,389,781
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>862,934,999,386</b>	<b>912,275,114,119</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	20	<b>862,934,999,386</b>	<b>912,275,114,119</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		720,000,000,000	720,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19,138,086,811	19,138,086,811
4. Cổ phiếu quỹ	414		(28,199,462,462)	(28,199,462,462)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		85,906,072,577	55,515,590,959
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		22,114,914,693	15,636,084,781
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		43,975,387,767	130,184,814,030
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2,146,744,845,371</b>	<b>2,121,499,766,835</b>

**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**Quý II năm 2012**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Quý II/2012</b>	<b>Quý II/2011</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>390,597,387,941</b>	<b>302,642,247,757</b>	<b>792,090,577,538</b>	<b>718,223,378,229</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		28,831,658,015	12,511,345,063	59,148,203,611	28,629,389,000
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>361,765,729,926</b>	<b>290,130,902,694</b>	<b>732,942,373,927</b>	<b>689,593,989,229</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	22	279,211,865,590	189,315,375,850	574,747,518,964	503,567,855,856
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>82,553,864,336</b>	<b>100,815,526,844</b>	<b>158,194,854,963</b>	<b>186,026,133,373</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1,085,011,369	802,836,556	2,512,242,149	2,443,161,454
7. Chi phí tài chính	22	24	26,417,640,587	27,130,107,998	53,543,157,173	58,855,863,929
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>26,349,167,850</i>	<i>27,046,405,998</i>	<i>53,429,334,436</i>	<i>55,268,348,845</i>
8. Chi phí bán hàng	24		15,723,549,223	19,965,285,362	33,719,308,995	36,296,179,837
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12,646,809,406	16,678,693,904	26,296,097,066	33,365,026,026
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)</b>	<b>30</b>		<b>28,850,876,489</b>	<b>37,844,276,136</b>	<b>47,148,533,878</b>	<b>59,952,225,035</b>
11. Thu nhập khác	31		2,428,259,037	795,590,841	4,381,004,799	2,221,216,690
12. Chi phí khác	32		975,847,583	11,587,103	1,102,886,635	69,932,904
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1,452,411,454</b>	<b>784,003,738</b>	<b>3,278,118,164</b>	<b>2,151,283,786</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>30,303,287,943</b>	<b>38,628,279,874</b>	<b>50,426,652,042</b>	<b>62,103,508,821</b>
15. Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	3,935,843,763	5,180,207,622	6,451,264,275	8,120,611,241
16. Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	
<b>17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>26,367,444,180</b>	<b>33,448,072,252</b>	<b>43,975,387,767</b>	<b>53,982,897,580</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>25</b>	<b>381</b>	<b>483</b>	<b>635</b>	<b>777</b>

## **B. GIẢI TRÌNH**

Theo thông tin công bố, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ quý II năm 2012 của Công ty đạt gần 362 tỷ đồng, tăng 24,7% so với doanh thu quý II năm 2011. Lợi nhuận trước thuế quý II năm 2012 của công ty đạt hơn 26 tỷ đồng, giảm 21% so với thực hiện cùng kỳ năm 2011 (LNTT quý II năm 2011 là 33 tỷ đồng) là do các nguyên nhân sau:

1. Doanh thu tăng do:

- Doanh thu bán các sản phẩm mới ( đá VLXD, gạch Block, bê tông) tăng 35% so với doanh thu bán các sản phẩm này cùng kỳ năm 2011.
- Giá bán xi măng tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2011.
- Sản lượng xi măng tiêu thụ quý II/2012 tăng hơn 20% so với quý II/2011.

2. Lợi nhuận giảm do:

- Giá các nguyên vật liệu đầu vào tăng cao. Cụ thể, dầu FO tăng 13%, đất giàu sắt tăng 13%, Silic tăng 6%, thạch cao tăng 3%, giá điện tăng 8,8% ...và đặc biệt là giá than tăng gần 24% so với cùng kỳ năm 2011.

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và công bố thông tin theo quy định.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:

**<http://www.ximanghoangmai.vn>**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Đã ký**

**Trần Minh Sơn**